

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG VĂN CHĂM

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. Trương Hồ Hải

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS.TS. Trần Quang Hiến

2. TS. Chu Mạnh Hùng

***Phản biện 1:* PGS.TS. Phạm Minh Tuấn**

Tạp chí Cộng sản

***Phản biện 2:* PGS.TS. Tường Duy Kiên**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

***Phản biện 3:* PGS.TS. Lương Thanh Cường**

Học viện Hành Chính và Quản trị công

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 8 giờ ngày 10 tháng 02 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đảng cộng sản Việt Nam xác định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước”. Pháp luật vào đời sống, hoạt động tôn giáo bằng nhiều phương cách, nhưng chủ yếu là giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Trong bối cảnh: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”, bắt buộc mọi thành viên không phân biệt dân tộc, tôn giáo đều phải ra sức học tập, hiểu sâu sắc, thực hiện đúng pháp luật. Nghị quyết số 66 -NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ rõ: “tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”; “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội”...

Với đồng bằng sông Cửu Long, các tôn giáo nội sinh, phần lớn tín đồ và một bộ phận chức sắc có nguồn gốc nông dân, là nông dân, dễ bị các phần tử xấu lôi kéo vào các hành vi như: Biến gia thành tự, in kinh sách không đúng quy định... Hơn nữa, các “hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo, hội nhóm” lợi dụng tôn giáo đẩy mạnh tuyên truyền hoạt động diễn biến phức tạp, vi phạm pháp luật vẫn còn đang diễn ra ở ĐBSCL. Các đối tượng xấu đã lợi dụng những bất ổn để xuyên tạc tình hình tôn giáo và công tác thực thi chính sách tôn giáo ở một số địa phương... chính vì vậy, cần tăng cường triển khai giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo.

Mặt khác, trong những năm qua, hoạt động giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo, chưa phát

huy tốt các nguồn lực tôn giáo, còn có những bất cập từ xác định nội dung, hình thức, quy mô tổ chức lớp học...

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, thực hiện quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam (Đảng) về phát huy các nguồn lực tôn giáo cho phát triển đất nước, quy định pháp luật về “quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân”, tác giả nghiên cứu đề tài luận án: ***“Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam”***, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; nghiên cứu sinh đề xuất những quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích đặt ra, luận án phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài; nêu giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu.

Hai là, phân tích các yếu tố cấu thành, điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo một số quốc gia có có đặc điểm tương đồng với Việt Nam.

Ba là, làm rõ thực trạng ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay.

Bốn là, hệ thống, phân tích các quan điểm chỉ đạo, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu về lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật cho đối tượng chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu: Luận án chỉ nghiên cứu các vấn đề về cơ chế pháp lý, nội dung, phương thức và điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật đối với chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

- Về không gian nghiên cứu: Đề tài điều tra xã hội học trong giới hạn các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

- Về thời gian nghiên cứu: Công trình phân tích tài liệu, số liệu về nội dung, đối tượng nghiên cứu tại vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được triển khai nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, pháp luật Việt Nam về nhà nước và pháp luật, giáo dục pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu sinh cũng tham khảo nhiều luận cứ khoa học từ những tài liệu của các học giả, người làm thực tiễn công tác giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trong và ngoài nước bổ sung cơ sở lý luận cho công trình này.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng nhiều phương pháp để nghiên cứu, các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, khảo sát thực tế... để phản ánh khách quan lý luận và thực tiễn của nội dung nghiên cứu và luận chứng tính khả thi các giải pháp mà luận án nêu ra... Trong đó: Tác giả phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề về giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật của nhiều sách, tạp chí, luận án... để tìm ra những giá trị căn cốt về nội dung đến phương pháp luận giải quyết vấn đề đặt ra cần tiếp tục

ngiên cứu; sử dụng phương pháp khảo sát điều tra xã hội học cho đối tượng giảng viên, báo cáo viên pháp luật, chức sắc tôn giáo các tỉnh, thành có nhiều chức sắc tôn giáo, giáo dân ở ĐBSCL (khảo sát 500 phiếu cho chức sắc tôn giáo, 500 phiếu cho báo cáo viên, giảng viên pháp luật 3 địa phương: An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, thu về 890 phiếu tổng hợp thông tin về nội dung, hình thức, phương pháp, ưu điểm, hạn chế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; dùng các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, lịch sử để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng giáo dục pháp luật cho lực lượng nòng cốt các tôn giáo vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay; hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích các quan điểm chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước để hình thành các quan điểm chỉ đạo, đề xuất các giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt vùng ĐBSCL.

5. Những đóng góp khoa học mới của luận án

Luận án có một số đóng góp khoa học mới sau đây:

Đóng góp về mặt lý luận: Luận án xây dựng định nghĩa mới về chức sắc tôn giáo; đưa ra được khái niệm riêng về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Đóng góp về phân tích, đánh giá pháp luật và thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu chính sách tôn giáo các nước là đối tác chiến lược, tương đồng Việt Nam về đặc tính đa tôn giáo, phân tích của quy định của luật về giáo dục pháp luật; thực trạng mô hình giáo dục pháp luật ở Việt Nam, luận án khuyến nghị Việt Nam: Chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang sang mô hình “Kéo” giáo dục pháp luật: Nhà nước tạo điều kiện, cơ chế chức sắc tự trang bị kiến thức pháp luật, tổ chức, tham gia giáo dục pháp luật, phát huy nguồn lực tôn giáo trong tham các lĩnh vực phát triển y tế, văn hóa...

Từ những bất cập giữa quy định pháp luật, chưa đồng bộ trong xác định đối tượng đặc biệt của giáo dục pháp luật, luận án xác định chức sắc

tôn giáo là “*cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư*” và đề xuất khung chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho đối tượng này.

Đóng góp về giải pháp, kiến nghị: Đề tài đưa ra các nhóm giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam trong thời gian tới từ nâng cao nhận thức vai trò quan trọng của giáo dục pháp luật đến hoàn thiện các quy định pháp luật, xây dựng mới chương trình, đến xác lập nguồn lực và cơ chế thực hiện trên thực tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án đã cụ thể hóa lý luận về giáo dục pháp luật nói chung vào một đối tượng cụ thể. Quá đó, góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo cho giảng viên, báo cáo viên pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình; là cơ sở thực tiễn cho cơ quan, tổ chức trong triển khai kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL thật sự hiệu quả.

Đề tài còn là khuyến nghị chính sách giúp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật, bảo đảm nội dung và phương pháp, chuyển tải pháp luật vào đời sống xã hội, nâng cao ý thức pháp luật cho chức sắc, tín đồ tôn giáo góp phần xây dựng văn hóa pháp lý vùng ĐBSCL.

7. Kết cấu của luận án

Cùng với phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật nói chung

Có 7 công trình tiêu biểu đã công bố từ các sách chuyên khảo, tham khảo; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài viết tạp chí khoa học, luận án, tiêu biểu như: Sách: *Bàn về giáo dục pháp luật* (1995) của Trần Ngọc Đường, Dương Thị Thanh Mai, Sách: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật* (2015) do Nguyễn Tất Viễn (chủ biên) ...

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể

Có 4 công trình đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể như: Sách: *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2011) của Nguyễn Quốc Sửu; Luận án Phó tiến sĩ Luật của tác giả Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam* ...

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay chưa có công trình nghiên cứu toàn diện về lý luận và thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long, song có 18 sách chuyên khảo, tài liệu nghiên cứu ở các chiều cạnh như giáo dục pháp luật cho một tôn giáo (Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo...), hay tôn giáo gắn với tộc người Phật giáo Nam tông Khmer, nghiên cứu sinh nghiên cứu tham khảo cho đề tài của mình như: Sách: *Nhà nước pháp quyền và tôn giáo Việt Nam* của tác giả Đỗ Quang

Hung (2022), tập 1: *Tôn giáo và xã hội*, Tập 2: *Tôn giáo và luật pháp*, tập 3: *Tôn giáo và Nhà nước*; sách: *Phát huy vai trò của chức việc trong vận động tín đồ tôn giáo thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long*, Huỳnh Thanh Quang (chủ biên) (2021); sách: *Chức sắc phật giáo Nam tông Khmer trong phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bằng sông Cửu Long* (2019) của Đặng Viết Đạt, Hoàng Thị Quyên; Luận án tiến sĩ Luật học của Dương Thành Trung (2015), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh...

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

Trên thế giới, có một số công trình nghiên cứu về chính sách tôn giáo một số quốc gia trên thế giới, Việt nam có đề cập đến nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trên thế giới, giáo dục pháp luật cho một nhóm đối tượng cụ thể ở nước ngoài và Việt Nam. Đồng thời có một số công trình nghiên cứu chung về dân tộc, tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long, có đề cập một phần nội dung liên quan đến hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo của vùng, tiêu biểu có các công trình: Sách: *Tôn giáo Mỹ đương đại* (2009) của tác giả Lưu Bành (Trung Quốc); sách: *Cham Muslims of the Mekong Delta* (Người Chăm theo đạo Hồi ở ĐBSCL) (2007) của Philip; sách: *Chân Lạp phong thổ ký* (2007) của Châu Đạt Quan (người Trung Quốc)...

1.3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN

1.3.1. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Về lý luận: nhìn từ những công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho một số nhóm đối tượng xã hội ngày càng phong phú, ở những góc độ khác nhau, nhiều nội dung lý luận chung về giáo dục pháp luật đã được đề cập như: Khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành... Riêng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, hiện chỉ có

các tài liệu đề cập ở tôn giáo cụ thể (Cao Đài, Phật giáo...), chưa bao quát hết 13 tôn giáo ở Tây Nam Bộ. Đây là “khoảng trống” cần nghiên cứu trong khoa học Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

Về thực tiễn: Nhiều báo cáo, kết quả khảo sát thực trạng về công tác tôn giáo, vai trò của chức sắc, chức việc tôn giáo trong phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật... được nghiên cứu, hệ thống hóa làm căn cứ để hoạch định chính sách chung ở tầm vĩ mô cho công tác tôn giáo, phổ biến giáo dục pháp luật của cả nước. Tuy nhiên, tài liệu thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam rất ít, thiếu đồng bộ, toàn diện.

Về quan điểm và giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL: Trong các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật đã nêu lên quan điểm và các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật các đối tượng xã hội (trong đó có chức sắc tôn giáo). Song, chưa có công trình chuyên sâu, toàn diện cũng như đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL từ quán triệt sự chỉ đạo của Đảng, thực hiện nghiêm túc nội dung pháp luật; áp dụng hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật hiện đại, tích cực phù hợp các yếu tố đặc thù vùng ĐBSCL; phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo trong phối hợp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tham gia giáo dục pháp luật; phát huy điều kiện, nguồn lực tôn giáo vào giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề: “*Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam*”, cụ thể sau:

* *Về lý luận:*

- Ở chương 2, nghiên cứu sinh xây dựng định nghĩa chức sắc tôn giáo, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; luận giải đặc điểm, vai trò của hoạt động giáo dục này.

- Phân tích các yếu tố: Chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật và các điều kiện đảm bảo giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; tìm hiểu chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới nhằm tìm ra bài học kinh nghiệm đối với giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam.

** Về thực trạng:*

- Ở chương 3, luận án phân tích các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội; tổ chức bộ máy; tình hình tôn giáo và chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

- Xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

** Về quan điểm, giải pháp:*

Ở chương 4, nghiên cứu sinh hệ thống các quan điểm, đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

** Chức sắc tôn giáo*

Chức sắc tôn giáo (chức sắc) là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc, giữ vị trí, vai trò lớn trong các hoạt động hành đạo, quản đạo và truyền đạo, được cộng đồng, tổ chức tôn giáo suy tôn và thừa nhận.

** Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Giáo dục pháp luật từ sự tiếp cận là quá trình tác động lên đối tượng nhằm trang bị kiến thức, xây dựng thái độ, niềm tin pháp luật một cách

đúng đắn, đồng thời giáo dục kỹ năng thích ứng cũng như xử lý các tình huống trong cuộc sống theo pháp luật, thúc đẩy mọi công dân có tri thức, tình cảm, sống theo pháp luật. Nói cách khác, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là hoạt động có tổ chức, mục tiêu do các chủ thể tiến hành theo nội dung, hình thức, phương pháp nhất định, nhằm hình thành ở chức sắc tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật.

Theo đó, *Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long là hoạt động có tổ chức, mục tiêu, kế hoạch, chương trình do các chủ thể tiến hành theo nội dung, hình thức, phương pháp nhất định, nhằm hình thành ở chức sắc tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp đặc điểm đời sống tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.*

Qua khái niệm về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long, cho thấy mục tiêu của hoạt động này cả chủ thể và đối tượng đều mong muốn đạt được: Nhận thức đúng kiến thức pháp luật từ cơ bản đến chuyên sâu; có tư tưởng, thái độ tích cực trong tư duy pháp lý; tạo lập hành vi, lối sống theo pháp luật, góp phần hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, giáo dục cho đối tượng đặc biệt, chịu sự chi phối của thân quyền và thế quyền, đặc thù về địa bàn cư trú, hoạt động, có sứ mệnh cứu thế, nhập thế.

Thứ hai, chủ thể hội đủ tính chuyên ngành, chuyên nghiệp cao, am hiểu sâu sắc tôn giáo nội sinh.

Thứ ba, thực hiện với những hình thức, phương pháp đặc thù, gắn liền với vận động chức sắc thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, gắn liền với công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thống nhất nhận thức chủ quyền vùng đất Nam Bộ, Việt Nam; một Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thứ năm, diễn ra trong môi trường giáo dục đặc biệt, không gian đời sống tôn giáo sôi động nhất trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ sáu, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là một khâu của hoạt động thực hiện pháp luật về tôn giáo.

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, giúp chức sắc nhận thức sâu kiến thức pháp luật, tạo hành trang sẵn sàng đi đầu thực hiện trách nhiệm “việc đạo, việc đời”, thực hiện “thế trận lòng dân” vùng ĐBSCL.

Thứ hai, giáo dục pháp luật góp phần xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL đối với pháp luật.

Thứ ba, giáo dục pháp luật góp phần xây dựng hành vi, lối sống theo pháp luật của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ tư, tạo điều kiện chức sắc từ đối tượng thành chủ thể tham gia giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ năm, phát huy các giá trị, nguồn lực tôn giáo vùng ĐBSCL.

2.2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Chủ thể và đối tượng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

2.2.1.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được hiểu là tất cả những cá nhân, tổ chức mà theo chức năng, nhiệm vụ tham gia quản lý hoặc trực tiếp làm thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt này ở Tây Nam Bộ. Đó là những viện, trường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, gồm:

Chủ thể quản lý giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo: Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chủ thể trực tiếp thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo: Là thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng

giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh trở lên, cùng các tổ chức cá nhân được giao nhiệm vụ (trường học của tôn giáo, giảng viên, báo cáo viên).

Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL với tư cách *các nhà giáo dục pháp luật* bao gồm chủ thể giáo dục pháp luật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp:

Chủ thể giáo dục pháp luật chuyên nghiệp: Lực lượng giảng viên, báo cáo viên pháp luật thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đang làm việc tại các viện, trường có giảng dạy, nghiên cứu khoa học pháp lý.

Chủ thể giáo dục pháp luật không chuyên nghiệp gồm: Đại biểu Quốc hội, Luật sư... khi tiếp xúc làm việc, truyền tải pháp luật đến các chức sắc tôn giáo.

2.2.1.2. Đối tượng giáo dục pháp luật

Chức sắc tôn giáo của 13 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước Việt Nam công nhận tư cách pháp nhân vùng ĐBSCL là đối tượng giáo dục pháp luật.

2.2.2. Nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Xuất phát từ những đặc điểm của đối tượng đặc biệt, nội dung giáo dục pháp luật có yếu tố riêng, đặc thù phù hợp với vai trò công dân trong Nhà nước, vai trò người lãnh đạo Giáo hội, bao gồm nội dung giáo dục pháp luật:

Nhóm kiến thức pháp luật thứ nhất: Quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế; giáo dục pháp luật chuyên đề...

Nhóm kiến thức pháp luật thứ hai: “Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật”, văn hóa tuân thủ pháp luật.

Qua đó, nội dung giáo dục pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo rất đa dạng, phong phú, theo 2 vai trò công dân và chức sắc tôn giáo, bao phủ từ Hiến pháp đến các ngành luật cơ bản trên tất cả lĩnh vực từ những vấn đề chung đến những vấn đề cụ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động tôn giáo gắn với quốc phòng và an ninh, phát triển kinh tế- xã hội.

2.2.3. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Hình thức giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo:

- Hợp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật.
- Giáo dục pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.
- Giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.
- Giáo dục pháp luật thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ.
- Hoạt động dạy và học pháp luật tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tôn giáo.

Phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo:

- Phương pháp thông tin nhanh pháp luật.
- Phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật.
- Các phương pháp giảng dạy truyền thống, hiện đại áp dụng trong mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

2.3. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO

2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Việt Nam luôn nhất quán đường lối chính trị, ban hành nghị quyết, văn kiện của Đảng lãnh đạo hoạt động giáo dục pháp luật, công tác tôn giáo.

2.3.2. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Quyền và nghĩa vụ pháp lý của lãnh đạo, tín đồ tôn giáo đều được ghi nhận ở Hiến pháp, pháp luật, trong đó có hoạt động giáo dục cho chức sắc tôn giáo.

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về nguồn lực, cơ chế phối hợp hoạt động

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cùng với phát huy nguồn lực tôn giáo, nguồn lực xã hội, tạo cơ chế phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động này.

2.4. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Trong phạm vi luận án tiến sĩ này chia sẻ một số kinh nghiệm về hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo tại một số quốc gia, nhất là các quốc gia có mối quan hệ đặc biệt, chiến lược toàn diện, điều kiện nhiều dân tộc, tôn giáo; thực hiện chính sách chính giáo phân ly tương đồng với Việt Nam tại các nước như: Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản... Từ đó, gợi mở những luận cứ tham khảo cho Việt Nam: Cần kết hợp mô hình “Đẩy” và mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật thông qua việc Nhà nước cùng với các Giáo hội bổ sung, hoàn thiện khung chương trình giáo dục pháp luật; hoàn thiện các yếu tố cấu thành, điều kiện đảm bảo, chuyển dần sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; khuyến khích Giáo hội tham gia các hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế... để “Kéo” người đại diện pháp nhân tôn giáo tự đào tạo, bồi dưỡng pháp luật để chủ động, đi đầu trong

thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục... trong đó có giáo dục pháp luật. Thông qua đó, hình thành nhiều chuyên gia pháp lý trên các lĩnh vực giáo dục, y tế... trong hàng ngũ “tín đồ đặc biệt” các tôn giáo; hoàn thiện mô hình giáo dục pháp luật; kết hợp giáo dục pháp luật với chủ nghĩa yêu nước cho chức sắc tôn giáo ở những địa bàn chiến lược; xác định giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt, tổ chức ở địa bàn cấp tỉnh.

Chương 3

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

3.1.1. Yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

3.1.1.1. Về tự nhiên

Điều kiện tự nhiên thúc đẩy sự ra đời các tôn giáo mới, trong bối cảnh xã hội người Việt ở Tây Nam Bộ.

3.1.1.2. Về kinh tế, chính trị của vùng đồng bằng sông Cửu Long, ở Việt Nam

Đây là yếu tố, tạo nên đặc trưng chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, thể hiện tính nhập thế, cứu thế, giàu lòng yêu nước mang bản sắc của đất và người Tây Nam Bộ.

3.1.1.3. Văn hóa - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Đây là yếu tố tạo nên hành vi, lối sống của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL duy tình của vùng của sông nước, biển đảo, đa dân tộc, đa tôn giáo.

3.1.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo cấp tỉnh qua 2 Hội đồng tư vấn, cùng nhiều chủ thể đưa pháp luật đến lực lượng đại diện các tôn giáo có những thành tựu cơ bản, góp phần ổn định mọi mặt vùng Tây Nam Bộ.

3.1.3. Tình hình tôn giáo và chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Thứ nhất: Vùng ĐBSCL đa tôn giáo, có tôn giáo mang tính tộc người. Toàn vùng có 13/16 tôn giáo trên cả nước. Tôn giáo mang tính tộc người (dân tộc) điển hình là người Chăm theo Islam giáo chủ yếu sinh sống tại An Giang, người Khmer sinh hoạt theo Phật giáo Nam tông. Vùng có nhiều tín đồ tôn giáo (6.827.100/17,7 triệu người), tỷ lệ tín đồ tôn giáo trong dân số vùng cao hơn bình quân chung cả nước, 38,57%/28% dân số.

Thứ hai: Nơi phát tích và hội tụ nhiều tôn giáo nội sinh nhất nước: 5/6 tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ cư sĩ, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ Hương, Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn). Đạo Cao Đài dù ra đời tại Tây Ninh (Đông Nam bộ) và năm 1926, đến nay Nhà nước đã công nhận tổ chức tôn giáo đối với 10 Hội thánh 01 pháp môn, trong đó có 07 Hội thánh và 01 pháp môn có Trung ương Đạo ở vùng ĐBSCL (Cao Đài Ban Chính Đạo (Bến Tre), Cao Đài Tiên Thiên (Bến Tre), Cao Đài Minh Chơn đạo (Cà Mau), Cao Đài Chiếu Minh Long Châu (Hậu Giang), Cao Đài Chơn Lý (Tiền Giang), Cao Đài Bạch Y (Kiên Giang), Cao Đài Việt Nam (Tiền Giang), Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi).

Thứ ba: Chức sắc một số tôn giáo tập trung hoạt động ở vùng ĐBSCL, có tôn giáo phát triển dù không có hàng ngũ chức sắc lãnh đạo. Tại vùng ĐBSCL, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam: 1241/1294 chức sắc,

chiếm 95,9%; Tứ ân Hiếu nghĩa: 21/21 chức sắc: 100%; Cao Đài: 8.136/13.411 chức sắc, chiếm 60,66% Cơ đốc phục lâm 3/7, chiếm 42,85%; Đạo Minh sư: 67/201 chức sắc, chiếm 33,33% Đạo Baha'i: 5/19 chức sắc, chiếm 26,31%. Có 3 tôn giáo, không có chức sắc: Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo và Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Tính đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2024, Việt Nam có 40 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với 28.065.030 tín đồ, chiếm trên 28% dân số cả nước, trong đó có 61.061 chức sắc; 144.835 chức việc, 29.921 cơ sở thờ tự. Đây là vùng nhiều chức sắc tôn giáo, có 16.214 chức sắc các tôn giáo chiếm 26,55% tổng số chức sắc tôn giáo trên cả nước. Tỷ lệ chức sắc tôn giáo toàn quốc trên tổng số tín đồ tôn giáo cả nước là (61.061/28.065.030): 0,21% Tỷ lệ chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trên tổng số tín đồ tôn giáo của vùng ĐBSCL là (16.209/6.827.100): 0,23%.

Có thể nói, mọi “vấn đề tôn giáo” ở nước ta chủ yếu bắt nguồn từ đời sống tôn giáo ở khu vực này, nói cách khác “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam thường đi từ Nam ra Bắc”.

3.2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

3.2.1. Ưu điểm trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, chủ thể giáo dục pháp luật đồng đạo, hoạt động có hiệu quả.

Thứ hai, chức sắc tôn giáo nhiệt tình tham gia giáo dục pháp luật.

Thứ ba, nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được thực hiện đồng bộ, bước đầu có những kết quả tích cực; ý thức chấp hành pháp luật được nâng lên.

Thứ tư, đa dạng về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật.

3.2.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc đúng quy định pháp luật.

Thứ hai, đội ngũ báo cáo viên, giảng viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Thứ ba, chức sắc trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật đáp ứng hoạt động giáo dục pháp luật.

Thứ tư, có sự đổi mới trong ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

3.2.2. Hạn chế, khó khăn trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho chức sắc chưa được quan tâm đúng mức, một số cơ quan, tổ chức chưa xác định, đây là “một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị”, thậm chí còn nhiều ý kiến cho rằng đây là hoạt động của Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp.

Thứ hai, một số chức sắc hoạt động tôn giáo chưa đúng quy phạm pháp luật, quy phạm tôn giáo ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục pháp luật, nhất là giáo dục pháp luật cho chức sắc, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer.

Thứ ba, thực hiện từ chương trình khung giáo dục pháp luật còn nhiều khó khăn, bất cập.

Thứ tư, các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật chưa ngang tầm nhiệm vụ.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, một số chủ thể giáo dục pháp luật chưa thật sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Thứ hai, một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của các chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ ba, chủ thể trực tiếp thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo thực hiện kiêm nhiệm, không có lực lượng chuyên trách làm nòng cốt.

Thứ tư, một số chức sắc chưa chủ động, tích cực trong phối hợp mở các lớp phổ biến giáo dục pháp luật.

Thứ năm, quy định pháp luật về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo chưa đồng bộ.

Thứ sáu, pháp luật quy định các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo chưa đáp ứng tốt ở vùng ĐBSCL.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

- Giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo luôn bám sát chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước và đời sống thực tiễn, nhu cầu của chức sắc tôn giáo.

- Giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo và trách nhiệm chủ động tìm hiểu pháp luật, tự giác tuân thủ pháp luật của đối tượng được giáo dục pháp luật.

- Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp chức sắc, công tác vận động chức sắc tôn giáo của vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.

- Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được gắn bó chặt chẽ trong toàn bộ quá trình từ xây dựng pháp luật đến tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật.

- Tổ chức triển khai thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được đảm bảo về nguồn lực song song với quá trình khuyến khích xã hội hóa; đồng thời gắn với đánh giá hiệu quả hoạt động này.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức mục tiêu, ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.

4.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật và sửa đổi thể chế điều chỉnh hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Thứ nhất, Bộ Tư pháp kiến nghị, đề xuất Chính phủ, Quốc hội sửa đổi quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật về mô hình cấu trúc mới của Hội đồng Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp theo mô hình chính quyền 3 cấp.

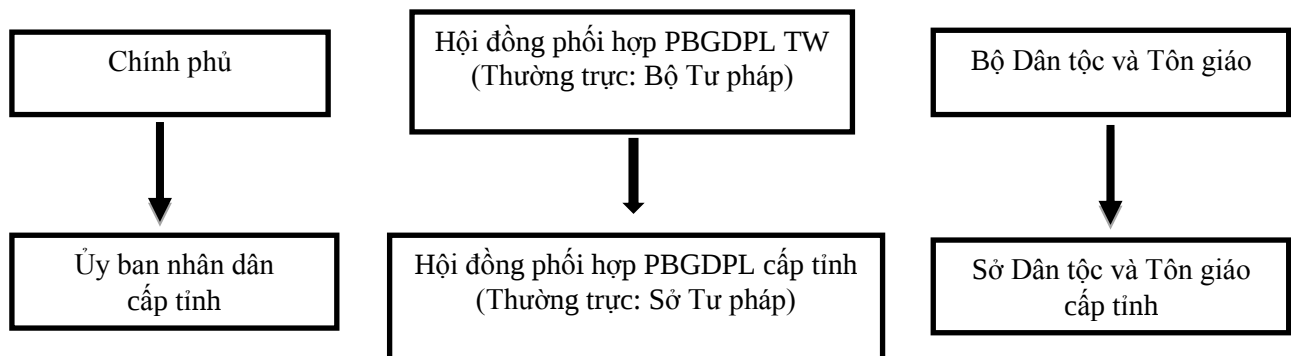
Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một khoản quy định về trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo vào Điều 25 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo của tôn giáo, chức sắc tôn giáo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cấp học và trình độ đào tạo; quy định thời gian, lộ trình hoàn thành việc chuẩn hóa giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật; ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở dạy nghề.

Với Định hướng hoàn thiện trên, đồng thời tham khảo kinh nghiệm ở các nước về mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đạt nhiều kết quả tích cực, cần thực hiện một mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Biểu đồ 4.1: Sơ đồ hoàn thiện Tổ chức bộ máy, chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng Tây Nam Bộ



(Nguồn: Tác giả đề xuất mô hình hoàn thiện)

Thứ ba, bổ sung quy định chức sắc tôn giáo là đối tượng giáo dục pháp luật đặc biệt (cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) vào Luật phổ biến, giáo dục pháp luật tương đồng với đối tượng giáo dục tại Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

“Điều... Phổ biến, giáo dục pháp luật cho cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư:

1. Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư thuộc diện phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là chức sắc, chức việc tôn giáo, già làng, trưởng họ tộc, nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

3. Căn cứ chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo, môn học pháp luật trong cơ sở đào tạo tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, nội dung giáo dục pháp luật phù hợp với cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

4.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Thứ nhất, có cơ chế tuyển chọn, chính sách thu hút nhân lực, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo từ trung ương đến cơ sở đủ đức và tài, có kỹ năng thực tế xử lý các vụ việc tôn giáo, báo cáo viên pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Thứ hai, mở chuyên ngành đào tạo quản lý nhà nước về tôn giáo.

4.2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, tạo nguồn và nâng cao năng lực chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ hai, phát huy vai trò chức sắc, chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ ba, hoàn thiện chương trình đào tạo, xây dựng chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ tư, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

4.2.5. Nhóm giải pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Thứ nhất, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho lãnh đạo Giáo hội vùng ĐBSCL từ công tác đối ngoại của các cơ quan nhà nước.

Thứ hai, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho lực lượng chủ chốt trong tôn giáo vùng ĐBSCL từ hoạt động đối ngoại của các Giáo hội.

Thứ ba, cấp ủy, chính quyền hỗ trợ các tôn giáo Tây Nam Bộ tổ chức các sự kiện, đón tiếp các đoàn công tác đến trao đổi công tác tôn giáo, giáo dục pháp luật.

4.2.6. Nhóm giải pháp xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

KẾT LUẬN

Xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, luận án đã đi sâu nghiên cứu vấn đề: Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam, cho thấy:

Công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân nói chung và chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm. Đây là đối tượng đặc biệt, cụ thể, chịu sự chi phối của thần quyền và thế quyền, với mục tiêu hình thành ở tri thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật cho chức sắc tôn giáo bằng những hình thức, phương pháp đặc thù, kết hợp chặt giữa giáo dục với vận động “quần chúng đặc biệt” sống tốt đời, đẹp đạo.

Các đặc điểm tạo nên bản sắc vùng Tây Nam Bộ đã tác động đến tình hình tôn giáo qua tính đa dạng tôn giáo, nơi phát tích phần lớn các tôn giáo nội sinh, nhiều tôn giáo có trên 50% chức sắc tôn giáo...

Qua các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, dựa trên kết quả điều tra xã hội học từ báo cáo viên, giảng viên pháp luật, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, cùng với những thông tin, tư liệu có sẵn, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trên hai mặt: những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của hoạt động này; chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng đó. Từ đó, luận án xác định các quan điểm và đề xuất thực hiện 6 nhóm giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trong thời gian tới đạt nhiều chất lượng, hiệu quả: Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức mục tiêu, ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; hoàn thiện bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật; thực hiện đầy đủ các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL; phát huy vai trò chức sắc tôn giáo chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Dương Văn Chấm (2004), “Chính sách tôn giáo một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 347 (12).
2. Dương Văn Chấm (2024), “Nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 342 (7).
3. Dương Văn Chấm (2024), “Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, p ISSN 3030-4776, số 417.
4. Dương Văn Chấm (2024), “Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý nhà nước về tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long” *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN e-2815-5831.
5. Dương Văn Chấm (2025), “Một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 352 (5).